

CÔNG TY CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 95/DAG-QHCD  
V/v: Công bố Báo cáo tài chính bán  
niên năm 2021 đã được soát xét

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG  
KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HÀ CHÍ MINH**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh,

Công ty: Công ty cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á

Mã chứng khoán: DAG

Địa chỉ trụ sở chính: Lô 1 CN5 cụm công nghiệp Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, Hà Nội

Điện thoại: 024 3793 8686

Fax: 024 3793 8181

Website: <http://dag.com.vn>

Địa chỉ: Tầng 9, tháp Tây, tòa nhà Hancorp Plaza, 72 Trần Đăng Ninh, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội

Loại thông tin công bố  24 giờ  72 giờ  bất thường  theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính riêng bán niên năm 2021 đã được soát xét.
- Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2021 đã được soát xét.

Thông tin này đã được đăng tải trên website của công ty theo quy định hiện hành.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

*Nội dung thông tin cần công bố và các tài liệu có liên quan*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VP, QHCD

Người đại diện theo pháp luật



TỔNG GIÁM ĐỐC

*Nguyễn Bá Hùng*

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét  
cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021  
và kết thúc ngày 30/6/2021



## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	1 - 3
<b>BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	4 - 5
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ</b>	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 35

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

# BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc ngày 30/6/2021 của Công ty.

## 1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (dưới đây được gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu số 0101099228 vào ngày 14 tháng 11 năm 2006.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 14 tháng 10 năm 2020. Theo giấy chứng nhận, vốn điều lệ của Công ty là **517.950.850.000** đồng (Năm trăm mười bảy tỷ, chín trăm năm mươi triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Trụ sở chính và nhà máy của Công ty đặt tại Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

## 2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc trong kỳ tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

### Hội đồng Quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Vương Trí Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Bá Hùng	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Bá Huy	(i) Ủy viên (từ nhiệm ngày 17/7/2021)
Ông Bùi Thẩm Châu	Ủy viên
Ông Ito Junichi	Ủy viên

(i) Theo Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐQT ngày 17/7/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á về việc thông qua đơn xin từ nhiệm của thành viên HĐQT ông Nguyễn Bá Huy.

### Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Phạm Thị Thúy Hà	Trưởng ban kiểm soát
Ông Phạm Thế Hoàng	Ủy viên
Bà Hà Thanh Thủy	Ủy viên

### Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Bá Hùng	Tổng Giám đốc

### Người đại diện theo pháp luật

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Bá Hùng	Tổng Giám đốc

## **BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

### **3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của Công ty cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc ngày 30/6/2021 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

### **4. Các sự kiện phát sinh trong và sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2020 của Đại Hội đồng cổ đông và Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐQT ngày 27/10/2020 của Hội đồng quản trị Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á, thông qua phương án phát hành tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty.

Ngày 09/03/2021, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có Công văn số 788/UBCK-QLCB v/v phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của DAG. Theo đó, Công ty đã có Thông báo số 21/2021/CV-DAG ngày 16/03/2021 về việc Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành là 7.769.068 cổ phiếu tương ứng tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 77.690.680.000 đồng. Mệnh giá cổ phiếu phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu, tỷ lệ thực hiện quyền là người sở hữu 100 cổ phiếu được nhận thêm 15 cổ phiếu mới. Nguồn phát hành là lợi nhuận chưa phân phối của công ty. Ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền là 15/04/2021.

Ngày 03/5/2021, Công ty đã có Công bố thông tin số 37/2021/CV-DAG công bố thông tin về báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu. Tuy nhiên, Ủy ban Chứng khoán đã có Công văn số 3692/UBCK-QLCB ngày 16/7/2021 về việc kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của DAG, UBCK yêu cầu Công ty thực hiện đúng phương án tăng vốn đã được Hội đồng quản trị thông qua do có phát sinh sai lệch 41 cổ phiếu. Theo đó, Công ty đang tiếp tục làm việc với UBCK và Trung tâm lưu ký chứng khoán để giải quyết nội dung này và chưa thực hiện được thủ tục đăng ký kinh doanh theo số vốn mới tăng.

Ngoài sự kiện nêu trên, Tổng Giám đốc thấy rằng không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

### **5. Công bố trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc ngày 30/6/2021. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ngoài ra, Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

#### 6. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc ngày 30/6/2021 của Công ty.

#### 7. Phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Đại diện Công ty,



**Ông NGUYỄN BÁ HÙNG**

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2021



Số: 017/2021/BCSX-HT.00068

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông, các thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 8 năm 2021, từ trang 6 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**TRẦN ĐÌNH DŨNG**

**Giám đốc**

Số CN ĐKHN kiểm toán: 1788-2018-009-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH**

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021	01/01/2021
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>443.476.290.457</b>	<b>440.934.069.093</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>3.550.859.814</b>	<b>19.433.382.522</b>
1. Tiền	111		3.550.859.814	19.433.382.522
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>11.600.000.000</b>	<b>-</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	11.600.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>407.285.862.785</b>	<b>305.620.246.805</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	166.210.887.831	54.328.004.260
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	48.096.279.854	54.279.010.016
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	192.978.695.100	197.013.232.529
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>20.938.433.862</b>	<b>115.327.497.184</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.7	20.938.433.862	115.327.497.184
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>101.133.996</b>	<b>552.942.582</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.519.111	437.501.559
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.16	94.614.885	115.441.023
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>462.826.305.675</b>	<b>327.061.362.141</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>99.031.118.809</b>	<b>67.040.727.386</b>
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5	98.825.817.423	61.835.426.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	205.301.386	5.205.301.386
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>17.606.125.866</b>	<b>19.001.427.454</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	17.075.068.498	18.160.324.002
- Nguyên giá	222		24.776.639.489	31.632.251.107
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.701.570.991)	(13.471.927.105)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	5.11	-	203.415.572
- Nguyên giá	225		-	1.143.636.364
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(940.220.792)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	531.057.368	637.687.880
- Nguyên giá	228		2.190.109.854	2.190.109.854
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.659.052.486)	(1.552.421.974)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>10.685.684.649</b>	<b>10.685.684.649</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	10.685.684.649	10.685.684.649
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>335.385.729.202</b>	<b>230.330.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.2	330.385.729.202	230.330.000.000
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2	5.000.000.000	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>117.647.149</b>	<b>3.522.652</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	117.647.149	3.522.652
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>906.302.596.132</b>	<b>767.995.431.234</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021	01/01/2021
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>252.263.416.515</b>	<b>116.863.355.808</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>249.739.730.515</b>	<b>113.993.355.808</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	21.132.851.491	4.854.454.821
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	5.882.115.436	1.104.052.872
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	647.560.325	895.315.554
4. Phải trả người lao động	314		619.505.718	889.311.994
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	1.004.545.639	318.293.342
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.18	89.738.285	89.738.285
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19	11.898.603.672	11.257.457.812
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	197.957.026.524	86.509.380.156
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		10.507.783.425	8.075.350.972
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.523.686.000</b>	<b>2.870.000.000</b>
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.19	109.686.000	30.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13	2.414.000.000	2.840.000.000
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>654.039.179.617</b>	<b>651.132.075.426</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.20</b>	<b>654.039.179.617</b>	<b>651.132.075.426</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		595.641.120.000	517.950.850.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		595.641.120.000	517.950.850.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		7.991.921.439	7.991.921.439
5. Cổ phiếu quỹ	415		(19.840.000)	(12.930.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		25.883.714.873	21.018.849.967
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		18.763.347.495	13.898.482.589
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.778.915.810	90.284.901.431
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(143.620.834)	36.986.857.297
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.922.536.644	53.298.044.134
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>906.302.596.132</b>	<b>767.995.431.234</b>

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN THỊ MAI HỒNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐỖ THỊ THANH THỦY

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN BÁ HÙNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc ngày 30/6/2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 ngày 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	223.436.170.074	96.865.915.120
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp DV (10=01-02)	10		223.436.170.074	96.865.915.120
4 Giá vốn hàng bán	11	6.2	212.865.062.819	84.059.964.671
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		10.571.107.255	12.805.950.449
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	7.137.339.018	51.461.882.352
7 Chi phí tài chính	22	6.4	5.735.580.478	2.416.360.082
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.735.580.478	2.416.360.082
8 Chi phí bán hàng	24	6.7	1.584.016.683	2.692.114.158
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.7	4.070.743.221	2.803.683.823
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.318.105.891	56.355.674.738
11 Thu nhập khác	31	6.5	39.636.737	52.696.546
12 Chi phí khác	32	6.6	228.590.262	3.685.983.207
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(188.953.525)	(3.633.286.661)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.129.152.366	52.722.388.077
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	206.615.722	446.496.144
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		5.922.536.644	52.275.891.933

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





NGUYỄN THỊ MAI HỒNG

ĐỖ THỊ THANH THỦY

NGUYỄN BÁ HÙNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc ngày 30/6/2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 ngày 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.129.152.366	52.722.388.077
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.083.029.132	644.885.945
- Các khoản dự phòng	03		-	(265.238.539)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(7.049.520)	-
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.908.017.041)	(48.130.398.669)
- Chi phí lãi vay	06		5.735.580.478	2.416.360.082
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.032.695.415	7.387.996.896
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		(94.201.410.699)	(55.294.218.932)
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		(5.666.665.880)	(13.121.935.902)
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		21.454.261.608	(12.543.807.372)
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		(114.124.497)	120.270.838
- Tiền lãi vay đã trả	14		(5.572.055.451)	(2.321.941.180)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(454.370.951)	(49.124.286)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(78.521.670.455)</b>	<b>(75.822.759.938)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21		-	(7.100.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		89.999.999	909.090.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(133.288.580.529)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		84.698.189.106	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		117.892.803	51.461.882.352
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(48.382.498.621)</b>	<b>45.270.973.261</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
3. Tiền thu từ đi vay	33	7.2	205.401.534.340	125.209.760.597
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	7.3	(94.197.087.972)	(100.398.673.108)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	7.3	(182.800.000)	(100.690.909)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>111.021.646.368</b>	<b>24.710.396.580</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>		<b>(15.882.522.708)</b>	<b>(5.841.390.097)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		19.433.382.522	12.598.405.111
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5.1</b>	<b>3.550.859.814</b>	<b>6.757.015.014</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN THỊ MAI HỒNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐỖ THỊ THANH THỦY



Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2021

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN BÁ HÙNG

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc ngày 30/6/2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (dưới đây được gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu số 0101099228 vào ngày 14 tháng 11 năm 2006.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 14 tháng 10 năm 2020. Theo giấy chứng nhận, vốn điều lệ của Công ty là **517.950.850.000** đồng (Năm trăm mười bảy tỷ, chín trăm năm mươi triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Công ty đã niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là DAG.

### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

### 1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh; Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng kim loại khác chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất sản phẩm chịu lửa; Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Xây dựng nhà các loại; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Bán buôn tổng hợp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Khai thác muối; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác và thu gom than cứng; Khai thác quặng uranium và quặng thorium;
- Khai thác và thu gom than non; Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Gia công cơ khí; Xử lý và tráng phủ kim loại; Tái chế phế liệu;
- Hoạt động của trụ sở văn phòng;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Đại lý du lịch; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Cho thuê xe có động cơ; May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú).

### 1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc ngày 30/6/2021

## 1.5 Cấu trúc tập đoàn

Trụ sở chính và nhà máy của Công ty đặt tại Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Văn phòng làm việc tại: tầng 9, tòa nhà Hancorp Plaza, 72 Trần Đăng Ninh, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có 03 công ty con như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Nhựa Đông Á (i)	Khu Công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.	100%	100%
Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á (ii)	Lô số 36 Khu Công nghiệp Tân Tạo, đường Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%
Công ty TNHH Smart Window Việt Nam (iii)	Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.	100%	100%

(i) Công ty TNHH Nhựa Đông Á đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0101099228-002, đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 02 năm 2007 và thay đổi lần thứ 6 ngày 31 tháng 3 năm 2021. Hoạt động chính của công ty này là sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

(ii) Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên với mã số doanh nghiệp là 0305056511, đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 6 năm 2007 và thay đổi lần thứ 8 ngày 07 tháng 11 năm 2017. Hoạt động chính của công ty này là kinh doanh vật liệu xây dựng.

(iii) Công ty TNHH Smart Window Việt Nam đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0102188015, đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 3 năm 2007 và thay đổi lần thứ 10 ngày 28 tháng 4 năm 2020. Hoạt động chính của Công ty này là kinh doanh vật liệu xây dựng và thi công lắp đặt cửa kính.

## 1.6 Số lượng nhân viên

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, tổng số nhân viên của Công ty là 45 người (Tại ngày 01/01/2021 là 39 người).

## 1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc ngày 30/6/2021 có thể so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

## 2. KỲ TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc ngày 30/6/2021.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc ngày 30/6/2021

## 2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND").

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Người sử dụng Báo cáo tài chính giữa niên độ này nên đọc kết hợp với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc ngày 30/6/2021 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn.

### 4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

### 4.3 Các ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc ngày 30/6/2021

## 4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

## 4.5 Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

### Đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## 4.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## 4.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc ngày 30/6/2021

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

#### 4.8 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### 4.9 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

#### 4.10 Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Trách nhiệm đối với bên cho thuê được phản ánh trên bảng cân đối kế toán như là một nghĩa vụ cho thuê tài chính. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc ngày 30/6/2021

Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trong suốt thời gian thuê tài sản, trừ khi khoản tiền lãi đó đủ điều kiện ghi nhận vào tài sản, trong trường hợp này khoản lãi vay được vốn hoá theo chính sách chung của Công ty về chi phí vay.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính trên cùng nền tảng với tài sản sở hữu của Công ty. Số năm tính khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính như sau:

Loại tài sản cố định	Thời gian
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08

### 4.11 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### *Chương trình phần mềm*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 đến 08 năm.

### 4.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí đầu tư xây dựng của các dự án đang thực hiện, máy móc và thiết bị đang trong quá trình xây dựng hoặc lắp đặt, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định dở dang. Các chi phí này được ghi nhận theo giá gốc. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản khác của doanh nghiệp bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### 4.13 Các khoản nợ phải trả

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);

b. Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ:

- Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả;

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc ngày 30/6/2021

- Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu;
- Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải trả).

#### 4.14 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

#### 4.15 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt tội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Đối với khoản vay phục vụ việc xây dựng TSCĐ, BĐSĐT, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### 4.16 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc ngày 30/6/2021

### 4.17 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

### 4.18 Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

#### Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

### 4.19 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 4.20 Doanh thu

#### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc ngày 30/6/2021

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### *Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở:*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### **4.21 Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Phần ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phân chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

#### **4.22 Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Phần ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc ngày 30/6/2021

### 4.23 Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

### 4.24 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Hiện tại, Công ty đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

### 4.25 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

### 5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt tồn quỹ	1.121.536.565	474.538.711
Tiền gửi ngân hàng	2.429.323.249	18.958.843.811
<b>Tổng</b>	<b>3.550.859.814</b>	<b>19.433.382.522</b>

### 5.2 Đầu tư tài chính dài hạn

#### a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn				
- Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy (1)	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
- Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm (2)	1.600.000.000	1.600.000.000	-	-
<b>Tổng</b>	<b>11.600.000.000</b>	<b>11.600.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc ngày 30/6/2021

**Dài hạn**

Tiền gửi có kỳ hạn

- Ngân hàng TMCP

Tiên Phong - chi nhánh

5.000.000.000 5.000.000.000

Thăng Long (3)

-

-

**Tổng**

5.000.000.000 5.000.000.000

-

-

- (1) Công ty đã dùng toàn bộ khoản tiền gửi này để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam - chi nhánh Cầu Giấy.
- (2) Công ty đã dùng toàn bộ khoản tiền gửi này để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - chi nhánh Hoàn Kiếm.
- (3) Công ty đã dùng toàn bộ khoản tiền gửi này để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - chi nhánh Thăng Long.

**b) Đầu tư vào công ty con**

	30/6/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Nhựa Đông Á (**)	259.385.729.202	-	(*)	159.330.000.000	-	(*)
Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á	35.000.000.000	-	(*)	35.000.000.000	-	(*)
Công ty TNHH Smart Window Việt Nam	36.000.000.000	-	(*)	36.000.000.000	-	(*)
<b>Tổng</b>	<b>330.385.729.202</b>	<b>-</b>		<b>230.330.000.000</b>	<b>-</b>	

(\*) Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(\*\*) Theo nghị quyết số 2A/2021/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á ngày 23/3/2021 về việc thông qua việc góp vốn vào công ty con - Công ty TNHH Nhựa Đông Á. Tổng giá trị vốn góp là 100.055.729.202 đồng, hình thức góp vốn bằng hàng tồn kho.

**5.3 Phải thu của khách hàng**

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>a) Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>		
Công ty CP Phát triển thương mại Vinaconex	-	1.162.831.454
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hùng Phát	-	25.827.575.497
Công ty TNHH V&H Việt Nam	20.612.557.806	-
Công ty TNHH Danpla Việt Nam	119.730.907.068	9.275.775.532
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Vĩnh Trường	21.174.623.553	17.600.423.786
Các khoản phải thu khách hàng khác	4.692.799.404	461.397.991
<b>Tổng</b>	<b>166.210.887.831</b>	<b>54.328.004.260</b>

b) Phải thu khách hàng là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 8.2

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc ngày 30/6/2021

**5.4 Trả trước cho người bán**

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>a) Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
Công ty TNHH Vật liệu XD và Hóa chất Hoàng Nam	-	50.784.078.106
Công ty TNHH Đầu tư và Xuất nhập khẩu Hiền Vinh	44.177.497.644	-
Công ty CP Thương mại và Xây dựng Hoàng Đăng	1.969.465.410	1.969.465.410
Các tổ chức, cá nhân khác	1.949.316.800	1.525.466.500
<b>Tổng</b>	<b>48.096.279.854</b>	<b>54.279.010.016</b>

**b) Trả trước cho người bán là bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 8.2**5.5 Các khoản phải thu về cho vay**

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Dài hạn</b>				
Công ty TNHH Nhựa Đông Á (*)	98.825.817.423	-	61.835.426.000	-
<b>Tổng</b>	<b>98.825.817.423</b>	<b>-</b>	<b>61.835.426.000</b>	<b>-</b>

(\*) Theo Hợp đồng cho vay tiền ngày 03 tháng 01 năm 2020 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á và Công ty TNHH Nhựa Đông Á. Số tiền vay: 150 tỷ đồng chẵn, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 03 tháng 01 năm 2020 với lãi suất cho vay là 0%/ tháng.

**5.6 Các khoản phải thu khác**

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Tạm ứng	-	-	-	-
Ký quỹ, ký cược	675.458.405	-	710.458.405	-
Phải thu khác	192.303.236.695	-	196.302.774.124	-
- Công ty TNHH Nhựa Đông Á	6.796.351.510	-	-	-
- Công ty TNHH Smart Window Việt Nam	155.169.654.485	-	162.375.042.579	-
- Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á	29.712.013.863	-	33.269.400.308	-
- Các đối tượng khác	625.216.837	-	658.331.237	-
<b>Tổng</b>	<b>192.978.695.100</b>	<b>-</b>	<b>197.013.232.529</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký quỹ, ký cược	205.301.386	-	5.205.301.386	-
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	-	5.000.000.000	-
- Các đối tượng khác	205.301.386	-	205.301.386	-
<b>Tổng</b>	<b>205.301.386</b>	<b>-</b>	<b>5.205.301.386</b>	<b>-</b>

**c) Phải thu khác là bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 8.2

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc ngày 30/6/2021

**5.7 Hàng tồn kho**

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng hóa	20.938.433.862	-	115.327.497.184	-
<b>Tổng</b>	<b>20.938.433.862</b>	<b>-</b>	<b>115.327.497.184</b>	<b>-</b>

**5.8 Chi phí trả trước**

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ	117.647.149	3.522.652
<b>Tổng</b>	<b>117.647.149</b>	<b>3.522.652</b>

**5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Vào ngày 01/01/2021	10.329.271.003	19.678.090.311	1.624.889.793	<b>31.632.251.107</b>
Tăng khác	-	1.143.636.364	-	1.143.636.364
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(7.999.247.982)	-	(7.999.247.982)
Vào ngày 30/6/2021	10.329.271.003	12.822.478.693	1.624.889.793	<b>24.776.639.489</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Vào ngày 01/01/2021	-	11.857.706.765	1.614.220.340	<b>13.471.927.105</b>
Khấu hao trong năm	516.463.554	353.962.579	10.669.453	881.095.586
Thanh lý	-	(7.686.975.526)	-	(7.686.975.526)
Tăng khác	-	1.035.523.826	-	1.035.523.826
Vào ngày 30/6/2021	516.463.554	5.560.217.644	1.624.889.793	<b>7.701.570.991</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Vào ngày 01/01/2021	10.329.271.003	7.820.383.546	10.669.453	<b>18.160.324.002</b>
Vào ngày 30/6/2021	9.812.807.449	7.262.261.049	-	<b>17.075.068.498</b>

- Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, giá trị còn lại của các tài sản cố định được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng là 16.400.029.304 đồng.

- Nguyên giá TSCĐ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 4.431.088.485 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc ngày 30/6/2021

**5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm quản lý VND
<b>Nguyên giá</b>	
Vào ngày 01/01/2021	2.190.109.854
Mua trong năm	-
Vào ngày 30/6/2021	<b>2.190.109.854</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Vào ngày 01/01/2021	1.552.421.974
Khấu hao trong năm	106.630.512
Vào ngày 30/6/2021	<b>1.659.052.486</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Vào ngày 01/01/2021	<b>637.687.880</b>
Vào ngày 30/6/2021	<b>531.057.368</b>

Nguyên giá TSCĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 484.022.800 đồng.

**5.11 Tình hình tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính**

	Phương tiện vận tải VND
<b>Nguyên giá</b>	
Vào ngày 01/01/2021	1.143.636.364
Thuê tài chính trong năm	-
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(1.143.636.364)
Vào ngày 30/6/2021	-
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Vào ngày 01/01/2021	940.220.792
Khấu hao trong năm	95.303.034
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(1.035.523.826)
Vào ngày 30/6/2021	-
<b>Giá trị còn lại</b>	
Vào ngày 01/01/2021	<b>203.415.572</b>
Vào ngày 30/6/2021	-

**5.12 Tài sản dở dang dài hạn**

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>		
Sửa chữa xưởng tại nhà máy Ngọc Hồi	10.161.039.949	10.161.039.949
Dự án KCN Hà Nam	524.644.700	524.644.700
<b>Tổng</b>	<b>10.685.684.649</b>	<b>10.685.684.649</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc ngày 30/6/2021

5.13	Vay và nợ thuế tài chính	01/01/2021		Giảm trong kỳ	Tăng trong kỳ	30/6/2021		Đơn vị tính: VND
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ			Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a)	Vay và nợ ngắn hạn (I)	<u>86.509.380.156</u>	<u>86.509.380.156</u>	<u>94.379.887.972</u>	<u>205.827.534.340</u>	<u>197.957.026.524</u>	<u>197.957.026.524</u>	
	<u>Vay ngắn hạn</u>	<u>80.473.573.686</u>	<u>80.473.573.686</u>	<u>91.464.087.972</u>	<u>205.401.534.340</u>	<u>194.411.020.054</u>	<u>194.411.020.054</u>	
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	39.999.780.269	39.999.780.269	40.111.850.900	40.106.935.112	39.994.864.481	39.994.864.481	
	Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam	24.999.087.180	24.999.087.180	25.522.087.180	84.350.319.903	83.827.319.903	83.827.319.903	
	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	-	-	-	598.659.600	598.659.600	598.659.600	
	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	15.474.706.237	15.474.706.237	15.474.706.237	19.990.176.070	19.990.176.070	19.990.176.070	
	Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương	-	-	10.355.443.655	20.355.443.655	10.000.000.000	10.000.000.000	
	Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	-	-	-	35.000.000.000	35.000.000.000	35.000.000.000	
	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	
	<u>Nợ dài hạn đến hạn trả</u>	<u>6.035.806.470</u>	<u>6.035.806.470</u>	<u>2.915.800.000</u>	<u>426.000.000</u>	<u>3.546.006.470</u>	<u>3.546.006.470</u>	
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	5.001.006.470	5.001.006.470	2.307.000.000	-	2.694.006.470	2.694.006.470	
	Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga	852.000.000	852.000.000	426.000.000	426.000.000	852.000.000	852.000.000	
	Công ty cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	182.800.000	182.800.000	182.800.000	-	-	-	
b)	Vay và nợ dài hạn (II)	<u>2.840.000.000</u>	<u>2.840.000.000</u>	<u>426.000.000</u>	<u>-</u>	<u>2.414.000.000</u>	<u>2.414.000.000</u>	
	<u>Từ 1 đến 5 năm</u>	<u>2.840.000.000</u>	<u>2.840.000.000</u>	<u>426.000.000</u>	<u>=</u>	<u>2.414.000.000</u>	<u>2.414.000.000</u>	
	Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga	2.840.000.000	2.840.000.000	426.000.000	-	2.414.000.000	2.414.000.000	
	<b>Tổng (I+II)</b>	<b>89.349.380.156</b>	<b>89.349.380.156</b>	<b>94.805.887.972</b>	<b>205.827.534.340</b>	<b>200.371.026.524</b>	<b>200.371.026.524</b>	

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc ngày 30/6/2021

#### Trong đó:

- (i) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01/2020/7610660/HĐTĐ ký vào ngày 16/11/2020 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Giá trị hạn mức tín dụng là 40 tỷ đồng trong đó bao gồm cả dư nợ ngắn hạn của Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01/2019/7610660/HĐTĐ ngày 26/09/2018. Lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Thời hạn cấp tín dụng đến hết ngày 16/11/2021. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC. Tài sản đảm bảo bao gồm: Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2019/1623476/HĐBĐ, số công chứng 8263, quyển số 01-2019/TP/CC-SCC/HĐTC ký ngày 27/9/2019 giữa Công ty TNHH Nhựa Đông Á và ngân hàng (thế chấp tài sản gắn liền với đất thuê tại KCN Châu Sơn, Hà Nam); Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/7610660/HĐBĐ ngày 27/10/2015 (thế chấp 01 ô tô), Máy nghiền Fomex theo hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2019/1623476/HĐBĐ ngày 31/05/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung.
- (ii) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số CGY/000046/20 ký vào ngày 01/3/2021 của Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam - chi nhánh Cầu Giấy. Giá trị hạn mức tín dụng là 80 tỷ đồng, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Hạn mức tín dụng sẽ có giá trị đến ngày 15/4/2021. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC, tài trợ cho việc nhập khẩu, mua bán và thanh toán cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Tài sản đảm bảo bao gồm 02 bất động sản. Bất động sản 01 là quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ văn phòng tầng 9 tháp Tây, Tổ hợp nhà ở đa năng 28 tầng, Làng Quốc tế Thăng Long, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 730500, Sổ vào sổ cấp GCN: CS15796 do Sở Tài Nguyên và môi trường TP. Hà Nội cấp ngày 04/7/2016. Bất động sản số 02 là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại thửa đất số 14, tờ bản đồ số 61, 154 Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất số BB 968058, Sổ vào sổ cấp GCN: CH00098 do UBND Quận 10 Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/05/2010. Ngoài ra, khoản vay còn được đảm bảo bởi tài khoản tiền gửi có kỳ hạn với giá trị tối thiểu 10 tỷ đồng trong suốt thời hạn của thỏa thuận tín dụng.
- (iii) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số LD2014700197 ký vào ngày 26/05/2020 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín. Giá trị hạn mức tín dụng là 600 triệu đồng, lãi suất cho vay trong 3 tháng đầu là 11%/năm, từ tháng thứ 4 trở đi lãi suất của toàn bộ dư nợ vay được áp dụng theo mức lãi suất huy động tiền gửi VND kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ của Sacombank cộng biên độ 3,5%/năm. Thời hạn cho vay là 6 tháng cho từng giấy nhận nợ. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động.
- (iv) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 65/2020/HĐTĐ/TTKD CGY/01 ký vào ngày 12/06/2020 và văn bản sửa đổi bổ sung số 65/2020/HĐTĐ/TTKD CGY/01/SĐBSHĐ.01 ngày 23/6/2021 của Ngân hàng TMCP Tiên Phong. Giá trị hạn mức tín dụng là 20 tỷ đồng, lãi suất được quy định cụ thể theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm nhựa công nghiệp phục vụ trong xây dựng, trang trí nội ngoại thất, quảng cáo. Khoản vay được đảm bảo bởi khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với số tiền 5 tỷ đồng.
- (v) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cho vay số 87.DN/2020-HĐCV/OCEANBANK.PGDTRUNGYEN ký vào ngày 14/8/2020 của Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - chi nhánh Thăng Long - phòng giao dịch Trung yên. Giá trị hạn mức tín dụng là 10 tỷ đồng, lãi suất được quy định theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày 14/8/2020 đến ngày 14/8/2021. Khoản vay được đảm bảo bởi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, phương tiện vận tải dưới 09 chỗ thuộc sở hữu hợp pháp của Công ty, cổ đông (sở hữu tối thiểu 10% vốn điều lệ) và các máy móc thiết bị thuộc sở hữu hợp pháp của công ty và các công ty con.
- (vi) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số VN121000928-001 ký vào ngày 28/1/2021 và phụ lục hợp đồng số VN121000928-001-PL01 ký ngày 04/02/2021 của Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm. Giá trị hạn mức tín dụng là 35 tỷ đồng, lãi suất được quy định theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn cho vay từ ngày 28/01/2021 đến ngày 28/01/2022. Khoản vay được đảm bảo bởi tài khoản tiền gửi tại ngân hàng với số tiền 1,6 tỷ đồng. TS thế chấp

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc ngày 30/6/2021

bao gồm: máy nghiền bột nhựa để sản xuất tấm Fomex, dây chuyền sản xuất tấm ốp trần bằng nhựa, dây chuyền sản xuất trần PVC mô hình SJZ65/138 và máy móc thiết bị nhà máy 2 (hệ thống máy thí nghiệm) theo hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 101-2021-02-HDTC/DN/006 ngày 04/02/2021.

- (vii) Khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 140421-1186228-01-SME ký vào ngày 25/4/2021 của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - chi nhánh Hà Nội. Giá trị hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng trong đó hạn mức thực chi là 5 tỷ đồng, lãi suất được quy định theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng, tính từ ngày 28/4/2021. Khoản vay được thế chấp bằng Toàn bộ công trình trên đất tại địa chỉ: lô 1 - Cụm CN Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ493935, số vào sổ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số quản lý: CQ-535, kèm theo Quyết định số 4761/QĐ-UBND ngày 25/10/2006 do UBND TP. Hà Nội cấp ngày 25/10/2006 đứng tên Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á.
- (viii) Khoản vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với số dư nợ vay tại thời điểm 30/6/2021 là 2.694.006.470 VND (trong đó nợ đến hạn trả trong năm 2021 là 2.694.006.470 VND). Hợp đồng tín dụng số 01/2017/7610660/HĐTD ngày 03/05/2017, giá trị hạn mức tín dụng là 16.100.000.000 đồng, lãi suất cho vay trong hạn theo cơ chế lãi suất thỏa thuận cho vay thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên, lãi suất cho vay 10,2%/năm áp dụng tới ngày 01/10/2017, lãi suất nợ quá hạn tối đa là 150% lãi suất trong hạn, thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn vay đầu tiên, thời hạn rút vốn 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, mục đích vay để thanh toán các chi phí phù hợp thuộc dự án đầu tư mở rộng nhà máy giai đoạn 2 sản xuất tấm Fomex và hệ thống phụ trợ tại KCN Châu Sơn, Phủ Lý, Hà Nam gồm các hạng mục: Xây dựng nhà xưởng, hệ thống san nền, đường nội bộ, rãnh nước, đầu tư 02 máy sản xuất tấm Fomex và hệ thống phụ trợ theo biên bản họp hội đồng quản trị số 01/2017/BBH-HĐQT ngày 24/02/2017 (gọi tắt là "Dự án"). Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có thuộc dự án.
- (ix) Khoản vay dài hạn của Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga - Chi nhánh Sở giao dịch theo hợp đồng số 20.TDH.01.120853/HĐTD-SGD ngày 26 tháng 04 năm 2020, với số tiền vay là 4.260.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất vay trong 12 tháng đầu tiên là 8%/năm, lãi suất sau đó được áp dụng theo công thức: bằng lãi suất cơ sở (+) margin tối thiểu 3,6%/năm và sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần. Mục đích vay để đầu tư 01 Xe ô tô Lexus LX570, màu đen, 8 chỗ đã qua sử dụng, sản xuất năm 2017, xuất xứ Nhật Bản. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (x) Nợ thuê tài chính của Công ty cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo hợp đồng cho thuê tài chính số 02.001/2016/TSC-CTTC ngày 19/01/2016 với số tiền thuê là 1.258.000.000 đồng. Thời hạn thuê là 72 tháng, lãi suất cho thuê tài chính được xác định bằng trần lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng +4%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất sàn cho vay dài hạn quy định trong từng thời kỳ, được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần. Lãi suất phạt quá hạn bằng 50% lãi suất cho thuê trong hạn.

**Các khoản nợ thuê tài chính đã thanh toán**

Thời hạn	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Trả tiền lãi thuê VND	Trả nợ gốc VND
<b>Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021</b>			
Từ 1 năm trở xuống	-	-	-
Trên 1 năm đến 5 năm	184.292.867	1.492.867	182.800.000
	<b>184.292.867</b>	<b>1.492.867</b>	<b>182.800.000</b>
<b>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020</b>			
Từ 1 năm trở xuống	-	-	-
Trên 1 năm đến 5 năm	121.536.155	20.845.246	100.690.909
	<b>121.536.155</b>	<b>20.845.246</b>	<b>100.690.909</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc ngày 30/6/2021

**5.14 Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a) Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH Smart Window Việt Nam	1.110.000.000	1.110.000.000	-	-
Jampoo Union Corp (Formosa +Mitsubishi)	528.081.840	528.081.840	1.858.353.840	1.858.353.840
Công ty TNHH Đầu tư và Xuất nhập khẩu Hiền Vinh	-	-	2.054.993.977	2.054.993.977
Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng và Hóa chất Hoàng Nam	18.829.112.807	18.829.112.807	-	-
Các đối tượng khác	665.656.844	665.656.844	941.107.004	941.107.004
<b>Tổng</b>	<b>21.132.851.491</b>	<b>21.132.851.491</b>	<b>4.854.454.821</b>	<b>4.854.454.821</b>

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 8.2

**5.15 Người mua trả tiền trước**

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>a) Người mua trả tiền trước</b>		
Công ty TNHH Liên doanh SHIDE Việt Nam	-	1.104.052.872
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hùng Phát	5.572.517.143	-
Các đối tượng khác	309.598.293	-
<b>Tổng</b>	<b>5.882.115.436</b>	<b>1.104.052.872</b>

b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 8.2

**5.16 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	01/01/2021 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	30/6/2021 VND
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế TNDN	590.834.649	206.615.722	454.370.951	343.079.420
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	66.251.126	66.251.126	-
Thuế, phí khác	304.480.905	3.000.000	3.000.000	304.480.905
<b>Tổng</b>	<b>895.315.554</b>	<b>275.866.848</b>	<b>523.622.077</b>	<b>647.560.325</b>
<b>b) Phải thu</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	115.441.023	20.826.138	-	94.614.885
<b>Tổng</b>	<b>115.441.023</b>	<b>20.826.138</b>	<b>-</b>	<b>94.614.885</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc ngày 30/6/2021

**5.17 Chi phí phải trả**

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Phí dịch vụ tư vấn	100.000.000	250.000.000
Chi phí lãi vay	231.818.369	68.293.342
Chi phí thi công dự án	672.727.270	-
<b>Tổng</b>	<b>1.004.545.639</b>	<b>318.293.342</b>

**5.18 Doanh thu chưa thực hiện**

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Nhận trả trước về cho thuê Văn phòng	89.738.285	89.738.285
<b>Tổng</b>	<b>89.738.285</b>	<b>89.738.285</b>

**5.19 Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>a) Các khoản phải trả ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	193.402.222	180.233.002
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	365.375.573	320.398.933
Các khoản phải trả, phải nộp khác	11.339.825.877	10.756.825.877
- Trần Thị Lê Hải	451.262.400	451.262.400
- Cổ tức phải trả	711.352.825	711.352.825
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển NBH	6.301.147.650	6.301.147.650
- Công ty TNHH Liên doanh SHIDE Việt Nam	641.250.000	641.250.000
- Các đối tượng khác	3.234.813.002	2.651.813.002
<b>Tổng</b>	<b>11.898.603.672</b>	<b>11.257.457.812</b>
<b>b) Các khoản phải trả dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược	109.686.000	30.000.000
<b>Tổng</b>	<b>109.686.000</b>	<b>30.000.000</b>

**c) Các khoản phải trả, phải nộp khác là bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 8.2

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

**5.20 Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Số dư 01/01/2020</b>	<b>517.950.850.000</b>	<b>7.991.921.439</b>	<b>(12.930.000)</b>	<b>52.432.874.837</b>	<b>578.362.716.276</b>
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	53.298.044.134	53.298.044.134
Trích lập các quỹ	-	-	-	(15.446.017.540)	(15.446.017.540)
<b>Số dư 01/01/2021</b>	<b>517.950.850.000</b>	<b>7.991.921.439</b>	<b>(12.930.000)</b>	<b>90.284.901.431</b>	<b>616.214.742.870</b>
Tăng vốn trong năm	77.690.270.000	-	(6.910.000)	-	77.683.360.000
Lãi trong năm	-	-	-	5.922.536.644	5.922.536.644
Tăng khác	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ (*)	-	-	-	(12.162.162.265)	(12.162.162.265)
Chia lợi nhuận	-	-	-	(78.266.360.000)	(78.266.360.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư 30/6/2021</b>	<b>595.641.120.000</b>	<b>7.991.921.439</b>	<b>(19.840.000)</b>	<b>5.778.915.810</b>	<b>609.392.117.249</b>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/6/2021.

**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu của Công ty là 595.641.120.000 đồng, chia thành 59.564.112 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Chi tiết vốn góp của các cổ đông tại ngày 30/6/2021 như sau:

Cổ đông	30/6/2021		01/01/2021	
	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hùng Phát	127.199.947.500	21,36%	110.608.650.000	21,36%
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển NBH	160.181.798.000	26,89%	139.288.520.000	26,89%
Các cổ đông khác	308.259.374.500	51,75%	268.053.680.000	51,75%
<b>Tổng</b>	<b>595.641.120.000</b>	<b>100%</b>	<b>517.950.850.000</b>	<b>100%</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	517.950.850.000	517.950.850.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	77.690.270.000	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	595.641.120.000	517.950.850.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	78.266.360.000	-

**Cổ phiếu**

	30/6/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	59.564.112	51.795.085
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	59.564.112	51.795.085
- Cổ phiếu phổ thông	59.564.112	51.795.085
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	1.984	1.293
- Cổ phiếu phổ thông	1.984	1.293
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	59.562.128	51.793.792
- Cổ phiếu phổ thông	59.562.128	51.793.792
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**Cổ tức**

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán:
  - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: 77.690.270.000 đồng
  - + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: 0
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: 0

**Các quỹ của doanh nghiệp**

	01/01/2021 VND	Tăng VND	Giảm VND	30/6/2021 VND
Quỹ đầu tư phát triển (*)	21.018.849.967	4.864.864.906	-	25.883.714.873
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (*)	13.898.482.589	4.864.864.906	-	18.763.347.495
<b>Tổng</b>	<b>34.917.332.556</b>	<b>9.729.729.812</b>	<b>-</b>	<b>44.647.062.368</b>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/6/2021. Lợi nhuận sau thuế của Công ty được phân bổ như sau:

Trích 5% Lợi nhuận sau thuế vào Quỹ dự phòng tài chính, Hội đồng quản trị quyết định việc sử dụng quỹ đảm bảo các mục tiêu của Tập đoàn. Công ty đang theo dõi trên Quỹ đầu tư và phát triển.

Trích 5% Lợi nhuận sau thuế vào Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ. Công ty đang theo dõi trên Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

**5.21 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

	<u>30/6/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
Đô la Mỹ (USD)	648,29	654,89

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021 VND</u>	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020 VND</u>
<b>a) Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng	221.381.086.070	94.263.716.366
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.055.084.004	2.602.198.754
<b>Tổng</b>	<u><b>223.436.170.074</b></u>	<u><b>96.865.915.120</b></u>

**b) Doanh thu đối với các bên liên quan:** Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 8.2**6.2 Giá vốn hàng bán**

	<u>Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021 VND</u>	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020 VND</u>
Giá vốn hàng bán	211.183.244.640	82.183.254.432
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.681.818.179	1.876.710.239
<b>Tổng</b>	<u><b>212.865.062.819</b></u>	<u><b>84.059.964.671</b></u>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021 VND</u>	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020 VND</u>
Lãi tiền gửi	117.892.803	721.442
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.012.396.695	51.461.160.910
Lãi chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	7.049.520	-
<b>Tổng</b>	<u><b>7.137.339.018</b></u>	<u><b>51.461.882.352</b></u>

**6.4 Chi phí tài chính**

	<u>Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021 VND</u>	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020 VND</u>
Lãi tiền vay	5.735.580.478	2.416.360.082
<b>Tổng</b>	<u><b>5.735.580.478</b></u>	<u><b>2.416.360.082</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

**6.5 Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020 VND
Thu phạt nhân viên	39.598.000	22.696.546
Thu nhập khác	38.737	30.000.000
<b>Tổng</b>	<b>39.636.737</b>	<b>52.696.546</b>

**6.6 Chi phí khác**

	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020 VND
Phạt hành chính về thuế	-	354.499.524
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	222.272.457	3.331.483.683
Các khoản chi phí khác.	6.317.805	-
<b>Tổng</b>	<b>228.590.262</b>	<b>3.685.983.207</b>

**6.7 Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020 VND
<b>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>	<b>4.070.743.221</b>	<b>2.803.683.823</b>
Chi phí nhân viên	1.812.141.757	1.142.371.641
Chi phí khấu hao	938.230.629	489.766.403
Các khoản chi phí QLDN khác.	1.320.370.835	1.171.545.779
<b>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>	<b>1.584.016.683</b>	<b>2.692.114.158</b>
Chi phí nhân viên	1.014.761.736	1.978.954.441
Chi phí khấu hao	144.798.443	155.119.542
Các khoản chi phí bán hàng khác.	424.456.504	558.040.175

**6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu	-	-
Chi phí nhân công	2.826.903.493	3.121.326.082
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.083.029.072	644.885.945
Chi phí dịch vụ mua ngoài	57.132.464	2.556.873.863
Chi phí khác	1.687.694.875	1.649.277.246
<b>Tổng</b>	<b>5.654.759.904</b>	<b>7.972.363.136</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

**6.9 Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")****Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Lợi nhuận kế toán trong năm của Công ty được đối chiếu về lợi nhuận chịu thuế như sau

	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	206.615.722	446.496.144
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>206.615.722</b>	<b>446.496.144</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

**6.10 Lãi trên cổ phiếu**

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ****7.1 Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai**

	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020 VND
Phát hành cổ phiếu thưởng	77.683.360.000	-
Góp vốn vào công ty con bằng hàng tồn kho	100.055.729.202	-

**7.2 Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	205.401.534.340	125.209.760.597

**7.3 Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020 VND
Tiền trả nợ vay theo kế ước thông thường	94.197.087.972	100.398.673.108
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	182.800.000	100.690.909
<b>Tổng</b>	<b>94.379.887.972</b>	<b>100.499.364.017</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**

Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

**8. CÁC THÔNG TIN KHÁC****8.1 Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc**

	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020 VND
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	291.500.000	291.500.000
Tiền lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc	153.508.708	210.717.870

**8.2 Nghiệp vụ và số dư với các bên có liên quan**

Các bên sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty / đối tượng	Quan hệ
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển NBH	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Nhựa Đông Á	Công ty con
Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á	Công ty con
Công ty TNHH Smart Window Việt Nam	Công ty con
Công ty TNHH V&H Việt Nam	Liên quan Thành viên quản lý chủ chốt
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát	Thành viên quản lý chủ chốt

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Giao dịch	Từ 01/01/2021 đến 30/6/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/6/2020 VND
<b>Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát</b>	Bán hàng	19.484.461.236	9.557.887.197
<b>Công ty TNHH V&amp;H Việt Nam</b>	Bán hàng	70.848.688.914	51.735.091.993
<b>Công ty TNHH Nhựa Đông Á</b>	Mua hàng	-	7.240.981.577
	Cho vay	121.688.580.529	-
	Thu tiền cho vay	84.698.189.106	
<b>Công ty TNHH Smart Window Việt Nam</b>	Mua hàng	1.009.090.909	2.476.565.155
<b>Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á</b>	Bán hàng	310.222.500	-
<b>Ông Nguyễn Bá Hùng</b>	Mượn tiền	-	5.090.000.000
	Trả tiền mượn	-	15.230.000.000

Chính sách mua, bán hàng hóa, nguyên vật liệu được áp dụng tương tự với các đơn vị khác, không có sự khác biệt về giá mua, bán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á**  
Lô 1 - CN5 - Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, X. Ngọc Hồi, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021

Ngày 03/5/2021, Công ty đã có Công bố thông tin số 37/2021/CV-DAG công bố thông tin về báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu. Tuy nhiên, Ủy ban Chứng khoán đã có Công văn số 3692/UBCK-QLCB ngày 16/7/2021 về việc kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của DAG, UBCK yêu cầu Công ty thực hiện đúng phương án tăng vốn đã được Hội đồng quản trị thông qua do có phát sinh sai lệch 41 cổ phiếu. Theo đó, Công ty đang tiếp tục làm việc với UBCK và Trung tâm lưu ký chứng khoán để giải quyết nội dung này và chưa thực hiện được thủ tục đăng ký kinh doanh theo số vốn mới tăng.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc thấy rằng không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

### **10. THÔNG TIN SO SÁNH**

Số liệu được dùng để so sánh các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020 của Công ty đã được kiểm toán.

Số liệu được dùng để so sánh các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc ngày 30/6/2020 của Công ty đã được soát xét.

**NGUYỄN THỊ MAI HỒNG**  
Người lập biểu

**ĐỖ THỊ THANH THỦY**  
Kế toán trưởng



**NGUYỄN BÁ HÙNG**  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2021